

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG XÉT ĐIỂM THPT ĐỢT 1 NĂM 2020

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
1	2266	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Văn An	07/09/2002	Nam	Bắc Ninh	2NT		D01	3.75	5.40	2.20	11.35
2	2260	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trịnh Tiến An	26/06/2002	Nam	Ninh Bình	2NT		D01	6.50	6.00	5.00	17.50
3	2133	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Duy Anh	23/06/2002	Nam	Hà Nam	2NT		C00	7.50	7.50	8.50	23.50
4	2483	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Chu Thị Lan Anh	14/02/2000	Nữ	Hải Dương	2NT		C00	6.50	6.75	7.75	21.00
5	2484	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Dương Duy Anh	17/12/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	7.25	4.25	7.00	18.50
6	2247	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đặng Nhật Anh	29/08/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.00	6.40	3.40	16.80
7	1934	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đặng Thị Vân Anh	08/03/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		C00	7.25	6.25	7.50	21.00
8	2426	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Tuấn Anh	02/04/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		C00	6.75	6.25	7.50	20.50
9	1894	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Đức Anh	07/03/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.50	5.00	8.00	19.50
10	2050	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hùng Anh	22/08/2002	Nam	Hà Nội	3		C00	4.50	3.75	6.25	14.50
11	1964	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/04/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	8.00	5.75	8.00	21.75
12	2009	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Ngọc Anh	01/11/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	6.50	7.20	5.20	18.90
13	2332	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Phương Anh	19/05/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		C00	8.00	4.50	8.50	21.00
14	2292	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Việt Anh	14/09/2001	Nam	Phú Thọ	1		C00	6.25	3.25	8.00	17.50
15	2299	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Việt Anh	30/04/2002	Nam	Hải Dương	2NT		C00	7.00	2.75	7.00	16.75
16	2473	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đào Thị Hồng ánh	23/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	6.75	6.50	7.00	20.25
17	2056	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Ngô Ngọc ánh	19/09/2002	Nam	Nam Định	2NT		C00	7.50	5.75	6.50	19.75
18	2172	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị ánh	28/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	6.00	3.20	16.95
19	2380	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thiên Bắc	13/07/2001	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		C00	6.50	8.25	8.25	23.00
20	1872	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Phú Cường	30/10/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	6.00	6.75	18.75
21	1860	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Mạnh Cường	02/07/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.75	8.40	2.80	17.95
22	2351	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Quang Cường	21/02/2002	Nam	Bắc Ninh	2NT		C00	5.00	6.00	6.50	17.50
23	2367	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Ngọc Châu	24/12/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		C00	6.75	6.00	8.00	20.75
24	2511	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Linh Chi	10/11/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		C00	8.00	6.75	7.50	22.25
25	1898	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Quyết Chiến	17/10/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	5.75	8.00	19.75
26	1996	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Quang Chiến	03/12/2002	Nam	Tuyên Quang	1		C00	5.25	5.00	8.00	18.25

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
27	2458	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Quang Chiêu	24/08/2002	Nam	Ninh Bình	2		C00	7.50	4.25	7.25	19.00
28	1980	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phan Văn Chính	09/01/2002	Nam	Nam Định	2NT		C00	7.25	4.75	7.50	19.50
29	2046	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Thanh Chúc	04/06/2002	Nữ	Phú Thọ	1	01	C00	7.75	5.75	7.75	21.25
30	2097	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hiền Diệu	20/12/2002	Nữ	Hà Nội	1	01	C00	8.00	6.00	7.75	21.75
31	2401	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Tiến Dũng	05/06/2002	Nam	Quảng Ninh	1		C00	4.75	6.50	6.50	17.75
32	1923	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Duy Dư	09/01/2002	Nam	Hải Phòng	2		C00	6.00	7.25	8.75	22.00
33	1874	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phan Đức Đại	18/09/2002	Nam	Hà Nội	3		C00	7.00	4.50	5.75	17.25
34	2041	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Tổng Thành Đạt	07/12/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	6.60	5.40	20.00
35	2227	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Đình Đạt	24/04/2002	Nam	Thanh Hoá	1		D01	7.00	7.60	5.60	20.20
36	1779	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Hải Đăng	09/09/2002	Nam	Hung Yên	2NT		C00	6.75	8.25	8.00	23.00
37	1846	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Minh Đức	04/11/2002	Nam	Hà Nội	3		C00	6.00	3.50	6.50	16.00
38	2163	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Bá Được	06/12/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	4.50	7.00	17.50
39	1804	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Mai Hương Giang	29/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.75	6.75	8.00	22.50
40	2345	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Giang	19/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.25	7.00	7.75	22.00
41	1784	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Xuân Hào	04/02/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	7.25	8.20	5.00	20.45
42	1799	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Thu Hằng	08/03/2002	Nữ	Quảng Ninh	1		D01	6.25	7.20	4.60	18.05
43	2411	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đoàn Lâm Hân	01/07/2001	Nữ	Phú Yên	1		C00	6.25	6.25	5.75	18.25
44	2240	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Thanh Hiếu	12/08/2002	Nam	Bắc Cạn	1		D01	5.50	6.20	3.20	14.90
45	2330	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Quách Thị Phương Hoa	05/01/2002	Nữ	Thanh Hoá	1	01	C00	8.25	5.00	8.75	22.00
46	2223	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Ngọc Hoàn	05/10/2002	Nam	Thái Bình	2NT		C00	5.00	3.00	7.00	15.00
47	2081	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Ngô Mạnh Hoàng	02/07/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.50	4.25	6.50	17.25
48	2383	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Đỗ Hoàng	20/03/2001	Nam	Hà Nam	2NT		D01	7.00	7.80	5.00	19.80
49	1903	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Tạ Thị Hồng	09/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	6.25	6.25	7.00	19.50
50	2151	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Văn Hùng	24/02/2002	Nam	Ninh Bình	2		C00	7.75	6.00	8.50	22.25
51	2111	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hữu Hùng	18/10/2002	Nam	Hà Nội	3		C00	7.00	7.25	7.00	21.25
52	2160	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Kim Hùng	24/06/2001	Nam	Bắc Ninh	2NT		C00	5.75	9.00	8.25	23.00
53	1781	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Văn Hùng	26/10/2002	Nam	Thanh Hoá	2		D01	6.25	7.00	3.20	16.45
54	1933	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đỗ Hoàng Gia Huy	29/07/2002	Nam	Hà Nội	1		C00	7.50	5.50	8.00	21.00

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
55	2098	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đào Thị Thanh Huyền	10/10/2002	Nữ	Hà Nội	1	01	C00	7.75	7.00	7.00	21.75
56	1963	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Thị Huyền	04/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	6.75	3.50	5.50	15.75
57	1970	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lục Dương Hưng	15/10/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2	01	C00	8.50	5.25	7.50	21.25
58	1961	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trịnh Hoàng Hưng	22/06/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	6.50	6.75	19.25
59	2474	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Hương	10/05/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		C00	6.75	6.50	7.75	21.00
60	1921	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Văn Kiên	01/11/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	4.50	4.50	6.75	15.75
61	1977	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Minh Kiên	28/06/2002	Nam	Nam Định	2NT		C00	7.25	4.25	7.75	19.25
62	2264	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Tuấn Kiệt	11/03/2002	Nam	Thái Bình	2		C00	6.00	5.25	6.50	17.75
63	1777	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Thị Khuyên	17/02/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		C00	6.75	4.25	6.25	17.25
64	2207	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vương Hữu Lam	06/02/2001	Nam	Bắc Ninh	2		C00	3.50	5.75	7.75	17.00
65	2061	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Thị Lan	12/03/2002	Nữ	Hoà Bình	1		C00	6.50	5.00	4.25	15.75
66	2297	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Lâm	30/10/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.75	6.00	4.40	17.15
67	1771	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Lệ	09/02/2002	Nữ	Phú Thọ	1		C00	6.00	6.50	7.50	20.00
68	2126	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Linh	01/07/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		C00	7.75	6.75	7.75	22.25
69	1861	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Thành Long	20/08/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.75	7.00	6.00	19.75
70	1987	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Luân	19/12/2002	Nam	Quảng Ninh	2NT		C00	4.25	5.00	7.25	16.50
71	1822	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoàng Cẩm Ly	26/09/2002	Nữ	Bắc Giang	1	01	D01	6.75	5.20	3.40	15.35
72	1813	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Khánh Ly	15/05/2002	Nữ	Phú Thọ	1		C00	7.50	7.00	8.25	22.75
73	2045	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Văn Mạnh	22/07/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.00	6.20	4.20	17.40
74	2387	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Mây	02/11/2002	Nữ	Quảng Ninh	2		C00	7.25	4.75	8.50	20.50
75	1992	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hồ Công Minh	14/10/2002	Nam	Quảng Ninh	2NT		C00	7.00	5.50	8.25	20.75
76	2455	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Thị Minh	17/12/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	6.50	6.80	4.60	17.90
77	2171	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Tiến Minh	07/12/2002	Nam	Thanh Hoá	2		C00	7.25	5.50	6.75	19.50
78	2352	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đào Hải My	02/07/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.00	6.60	4.20	17.80
79	1776	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Ngô Thị Trà My	28/02/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	5.75	7.40	4.40	17.55
80	2085	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lâm Thành Nam	29/11/2002	Nam	Nam Định	2NT		C00	6.75	6.00	7.50	20.25
81	2421	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lò Văn Nam	14/12/2001	Nam	Sơn La	1	01	C00	6.92	8.00	4.40	19.32
82	2127	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Đức Nam	26/04/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	5.00	3.75	6.75	15.50

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
83	2201	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Hoàng Nam	17/02/2002	Nam	Quảng Ninh	2		C00	5.25	4.25	6.25	15.75
84	2334	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Phương Nam	17/08/2001	Nam	Hà Nội	2		D01	5.25	4.20	3.40	12.85
85	2195	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Bích Nga	09/12/2002	Nữ	Hà Nội	3		C00	6.75	6.00	7.00	19.75
86	2313	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thúy Nga	20/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	6.75	8.25	8.50	23.50
87	2271	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Thúy Ngân	29/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.00	7.60	7.20	21.80
88	2239	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Đức Ngọc	20/04/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		C00	7.25	5.75	6.75	19.75
89	2156	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	8.25	6.50	8.25	23.00
90	2005	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Phương Nhung	23/10/2001	Nữ	Hưng Yên	2NT		C00	6.75	5.75	7.25	19.75
91	2232	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Thị Hồng Nhung	22/04/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	8.00	5.75	8.00	21.75
92	2278	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hồng Phong	11/10/2002	Nam	Hải Phòng	3		C00	6.25	3.00	7.00	16.25
93	2083	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Văn Phong	28/07/2002	Nam	Hà Nội	1	01	D01	7.75	7.20	5.40	20.35
94	1841	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Văn Phú	28/06/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		C00	7.25	6.25	7.75	21.25
95	2164	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Văn Phú	26/07/2002	Nam	Tuyên Quang	1		C00	4.50	9.25	8.25	22.00
96	2189	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	17/12/2002	Nam	Hà Nội	3		C00	7.25	4.00	7.25	18.50
97	2011	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Phương	26/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	8.20	5.00	21.20
98	1989	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bế Minh Quân	16/10/2002	Nam	Quảng Ninh	2NT	01	C00	4.50	3.25	7.25	15.00
99	1839	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Hồng Quân	25/09/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		C00	7.25	5.25	6.25	18.75
100	1954	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Danh Anh Quân	28/07/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.50	5.75	7.50	19.75
101	1810	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Ngô Hoàng Quyết	04/10/2002	Nam	Bắc Ninh	2NT		D01	5.50	6.80	4.60	16.90
102	1858	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đào Như Quỳnh	01/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	6.00	2.80	16.30
103	1830	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Như Quỳnh	17/03/2002	Nữ	Yên Bái	1		C00	6.50	7.00	8.00	21.50
104	2086	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Nguyễn Trúc Quỳnh	27/09/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	6.50	7.60	4.60	18.70
105	1911	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Đức Du Sơn	16/10/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.75	4.50	5.75	17.00
106	2170	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Ngô Thế Tiến	23/11/2002	Nam	Hưng Yên	2NT		C00	5.25	6.25	8.50	20.00
107	2014	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Văn Tiến	11/05/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	4.25	7.25	17.50
108	1885	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phan Ngọc Tiến	07/01/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	7.00	4.80	5.20	17.00
109	2114	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Mai Phúc Toàn	15/10/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	6.00	8.00	8.00	22.00
110	2407	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Minh Toàn	05/11/2002	Nam	Bắc Giang	1		C00	7.25	6.50	7.00	20.75

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
111	2107	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đỗ Văn Tú	24/07/2002	Nam	Yên Bái	2		D01	7.00	6.40	5.60	19.00
112	2238	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phan ánh Tuyết	10/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.00	5.50	6.75	19.25
113	2055	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phùng Thị Tuyết	20/05/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		C00	5.75	4.25	6.00	16.00
114	2250	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đoàn Thị Tươi	03/01/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		C00	8.00	8.50	8.75	25.25
115	1936	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoa Thị Thanh	22/09/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		C00	7.75	7.25	7.00	22.00
116	1865	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Chí Thanh	30/07/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	7.75	8.40	4.80	20.95
117	1892	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phan Tuấn Thành	16/12/2002	Nam	Thanh Hoá	1	01	C00	5.00	4.75	7.00	16.75
118	1882	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đỗ Thị Thảo	14/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.50	6.50	6.75	20.75
119	2469	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đỗ Thị Thảo	25/02/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		C00	4.00	4.50	5.75	14.25
120	2191	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14/10/2002	Nữ	Tuyên Quang	1		C00	6.75	9.00	7.50	23.25
121	2217	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Mạnh Thắng	03/09/2002	Nam	Hà Tĩnh	2		C00	8.00	6.00	8.00	22.00
122	2142	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Thắng	03/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.25	6.60	3.00	14.85
123	2391	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Văn Thắng	05/06/2001	Nam	Ninh Bình	2NT		C00	7.25	7.50	8.25	23.00
124	2115	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trịnh Văn Thế	27/11/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	6.40	5.00	18.90
125	1857	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Hoài Thu	16/06/2002	Nữ	Hà Nội	1		C00	6.75	4.25	7.25	18.25
126	2366	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Thu Thủy	22/06/2002	Nữ	Hà Nội	1		C00	7.25	8.75	7.25	23.25
127	2002	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thanh Trà	08/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.75	7.25	8.50	23.50
128	2408	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Thị Trang	08/07/2002	Nữ	Phú Thọ	1		C00	7.50	6.00	7.75	21.25
129	2204	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Thu Trang	27/11/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		C00	7.50	6.25	7.25	21.00
130	2125	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Trang	14/11/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.50	5.60	4.00	17.10
131	1891	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lâm Quang Trọng	07/10/2002	Nam	Thanh Hoá	1		C00	3.75	4.50	7.75	16.00
132	1778	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Doãn Trọng	03/09/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	7.25	8.20	5.40	20.85
133	2468	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoàng Xanh Trọng	24/01/2002	Nam	Lâm Đồng	1	01	C00	6.25	8.25	7.75	22.25
134	2446	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Trúc	08/11/2002	Nữ	Yên Bái	1	01	C00	7.00	6.00	7.75	20.75
135	2509	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Xuân Trường	07/11/2002	Nam	Nam Định	2NT		C00	8.00	5.75	8.25	22.00
136	2508	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Bùi Thị Phương Uyên	02/07/2002	Nữ	Hoà Bình	1	01	C00	7.00	6.00	7.00	20.00
137	2396	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thị Vân	21/01/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		C00	7.50	7.00	6.75	21.25
138	2495	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lăng Văn Việt	10/05/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		C00	7.75	9.25	9.00	26.00

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
139	2113	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Việt	20/07/2002	Nam	Hà Nội	2		C00	5.75	4.75	7.00	17.50
140	1790	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Việt Việt	21/08/2002	Nam	Nam Định	3		C00	5.50	6.25	7.00	18.75
141	1919	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phạm Quang Việt	15/04/2000	Nam	Nam Định	2NT		C00	8.00	7.50	8.25	23.75
142	1988	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoàng Văn Vinh	26/01/2002	Nam	Quảng Ninh	2NT		C00	5.75	3.00	8.25	17.00
143	2137	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Thế Vinh	31/10/2002	Nam	Hải Phòng	2		C00	4.25	4.50	4.75	13.50
144	1838	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hoàng Vũ	13/12/2002	Nam	Hoà Bình	1	01	C00	6.50	8.25	7.00	21.75
145	1801	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Phùng Thị Như ý	22/08/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2		C00	7.50	9.00	8.50	25.00
146	2514	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Ngọc Anh	30/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.50	7.00	3.60	17.10
147	2088	KẾ TOÁN	Đỗ Thị Chính	15/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	4.50	7.80	4.20	16.50
148	2109	KẾ TOÁN	Đinh Thị Linh	05/03/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	8.00	5.60	3.80	17.40
149	1785	KẾ TOÁN	Trần Thị Phương Thảo	15/09/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.00	6.20	4.00	17.20
150	2513	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Thùy	11/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	7.80	3.60	18.15
151	2139	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Quốc An	09/09/2002	Nam	Lào Cai	1		D01	5.00	5.80	4.20	15.00
152	2162	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trịnh Lý Thiên An	03/08/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.75	6.40	5.60	18.75
153	2196	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Âu Tuấn Anh	13/06/2002	Nam	Phú Thọ	1	01	A00	6.40	4.75	7.75	18.90
154	2434	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đào Thị Lan Anh	03/06/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.50	7.60	4.20	19.30
155	2336	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lã Tuấn Anh	11/03/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	8.00	7.40	3.40	18.80
156	2185	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Tuấn Anh	10/05/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.25	6.20	4.60	17.05
157	2275	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Mai Tuấn Anh	20/10/2002	Nam	Phú Thọ	2		D01	7.00	6.60	4.80	18.40
158	2158	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức Anh	08/07/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.50	5.00	5.40	15.90
159	2279	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Lan Anh	13/05/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	7.80	6.75	6.50	21.05
160	2417	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Tuấn Anh	11/01/2002	Nam	Điện Biên	1		D01	5.50	6.00	2.40	13.90
161	2465	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Minh Anh	11/11/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	9.00	6.80	3.20	19.00
162	2123	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Việt Anh	23/04/2002	Nam	Hà Nội	1		D01	5.25	7.80	4.80	17.85
163	1783	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Học ánh	27/02/2002	Nam	Hải Dương	2NT		D01	6.75	8.00	4.60	19.35
164	1780	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Văn Bằng	02/12/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	6.75	7.00	4.20	17.95
165	2348	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Ngô Văn Cao	19/06/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	8.25	6.20	3.00	17.45
166	2157	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Công	30/11/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	7.25	5.40	2.40	15.05

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
167	2256	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Hoàng Công	16/12/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.00	6.80	2.60	16.40
168	2329	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Dương Mạnh Cường	18/12/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	7.50	7.40	3.20	18.10
169	2052	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Hoàng Tiến Cường	11/07/2002	Nam	Quảng Ninh	1		D01	5.75	5.60	3.20	14.55
170	2307	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Kim Mạnh Cường	02/07/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	8.00	6.60	4.80	19.40
171	2263	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức Cường	03/02/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.00	6.00	4.80	17.80
172	2032	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Kiên Cường	16/01/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.00	7.60	3.80	18.40
173	2281	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Lan Chi	24/10/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	6.50	5.00	3.20	14.70
174	2033	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Liêm Chính	20/05/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.25	6.80	3.20	16.25
175	1826	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức Chính	04/01/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	7.00	6.40	4.00	17.40
176	1929	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Đức Chung	01/04/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	8.50	7.60	4.40	20.50
177	2451	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Hoàng Quốc Dân	05/05/2001	Nam	Cao Bằng	1	01	A00	3.40	4.25	8.00	15.65
178	2054	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Thị Thùy Dung	03/03/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	6.50	5.20	2.80	14.50
179	2467	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Tiến Dũng	22/10/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	6.60	5.50	5.75	17.85
180	2053	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trịnh Mạnh Dũng	13/01/2002	Nam	Quảng Ninh	1		D01	5.25	6.40	3.20	14.85
181	1811	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lưu Văn Duy	28/05/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		D01	7.50	7.00	4.00	18.50
182	2402	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Ngô Hữu Duy	25/08/2002	Nam	Thanh Hoá	2		D01	7.25	8.20	4.00	19.45
183	2269	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Khương Duy	02/10/2002	Nam	Hải Phòng	2		A00	7.80	6.50	7.50	21.80
184	1931	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Thị Duyên	14/08/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	7.25	6.80	5.60	19.65
185	2339	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Khánh Dur	01/09/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		A00	6.40	4.75	6.00	17.15
186	2450	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Đức Dương	01/11/2002	Nam	Thái Bình	2NT		A00	8.00	6.25	7.00	21.25
187	2068	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Mai Văn Đàm	09/02/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.40	3.75	5.50	16.65
188	2090	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Văn Đạo	10/11/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	8.00	7.80	3.20	19.00
189	1941	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đinh Đức Đạt	05/08/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	7.50	7.40	5.00	19.90
190	1997	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Tiến Đạt	17/04/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.25	5.20	4.00	16.45
191	2087	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Đạt	09/05/2002	Nam	Thanh Hoá	1		D01	7.00	4.80	2.60	14.40
192	1842	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Tiến Đạt	14/10/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.50	7.00	2.60	16.10
193	2357	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Minh Đăng	23/03/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		D01	7.00	6.20	3.80	17.00
194	1809	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phùng Văn Điệp	22/12/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	6.25	7.40	3.40	17.05

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
195	2444	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Trọng Định	12/07/2002	Nam	Thanh Hoá	2		D01	7.75	5.40	2.00	15.15
196	1960	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Văn Doan	26/04/2002	Nam	Hoà Bình	1		A01	7.80	6.00	4.20	18.00
197	2420	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Dương Thần Đông	08/11/2002	Nam	Lạng Sơn	1	01	D01	6.25	5.40	5.20	16.85
198	2034	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Văn Đông	23/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.50	6.80	3.20	16.50
199	2462	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Hồng Đông	07/06/2002	Nam	Ninh Bình	2NT		D01	7.00	5.00	3.40	15.40
200	2116	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bá Ngọc Đức	01/06/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	7.25	7.00	2.60	16.85
201	2166	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đặng Vũ Đức	13/09/2002	Nam	Yên Bái	1		D01	6.50	6.80	4.00	17.30
202	2130	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Văn Đức	21/09/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	9.00	7.25	7.25	23.50
203	1798	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đình Thành Giang	20/06/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	6.25	5.40	3.60	15.25
204	1880	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Phương Giang	25/06/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	6.00	7.00	2.00	15.00
205	2489	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Khánh Hạ	29/07/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	7.75	8.00	4.00	19.75
206	2000	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Hào	02/03/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	6.50	6.20	3.00	15.70
207	1889	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Hằng	11/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.25	8.00	4.80	20.05
208	1973	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Thị Thu Hằng	13/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	6.60	3.60	17.70
209	1852	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Hiệp	16/08/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	6.50	6.60	2.60	15.70
210	1800	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Thiên Hiếu	22/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.00	9.20	3.60	19.80
211	2047	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Gia Hiếu	19/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.25	6.00	2.20	15.45
212	2376	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Trung Hiếu	23/10/2002	Nam	Thanh Hoá	2		D01	6.75	4.80	3.60	15.15
213	2400	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Văn Hiếu	25/10/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	5.25	5.60	3.20	14.05
214	2181	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Thị Thu Hoài	20/09/2002	Nữ	Nam Định	2NT		A00	7.80	7.50	6.50	21.80
215	1868	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đàm Quang Hoàng	03/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.50	7.80	4.00	19.30
216	2293	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Công Hoàng	25/05/2002	Nam	Nghệ An	2NT		D01	7.50	7.40	2.60	17.50
217	2084	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Như Hoàng	20/08/2002	Nam	Hà Nội	1		D01	6.75	5.60	3.80	16.15
218	1922	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Phi Hoàng	27/08/2002	Nam	Hà Nội	2		A00	6.60	6.00	4.25	16.85
219	2470	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Hoàng	20/06/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	7.60	2.60	18.20
220	2341	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Huy Hoàng	25/01/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.25	7.40	7.20	21.85
221	2178	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Việt Hoàng	22/02/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.00	5.60	2.40	15.00
222	1945	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Đình Hoàng	08/09/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	6.20	2.80	16.50

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
223	2221	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Huế	04/01/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.50	7.80	2.80	18.10
224	2493	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Thị Huệ	14/09/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	7.00	5.20	19.95
225	1884	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phùng Khắc Hùng	01/10/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	5.50	4.60	3.60	13.70
226	1825	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đình Quang Huy	01/04/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	7.00	7.40	3.60	18.00
227	2179	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đoàn Văn Huy	18/09/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.60	4.25	5.50	17.35
228	2015	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Ngọc Huy	05/12/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.50	8.20	5.60	21.30
229	1895	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Tạ Quang Huy	21/03/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.00	6.80	4.40	18.20
230	2152	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Khánh Huyền	24/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	7.60	5.40	20.75
231	2245	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lại Văn Hưng	03/11/2002	Nam	Hà Nam	2		D01	7.00	7.40	2.40	16.80
232	1803	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Văn Hưng	07/12/2002	Nam	Hưng Yên	2NT		D01	6.75	5.80	4.20	16.75
233	2404	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lưu Thị Thúy Hường	09/11/2002	Nữ	Cao Bằng	1	01	D01	7.50	7.20	3.60	18.30
234	2176	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Thái Văn Kiên	04/01/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.25	6.00	4.20	15.45
235	2340	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Xuân Kỳ	15/05/2002	Nam	Phú Thọ	1		A00	6.80	4.50	6.25	17.55
236	2229	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đình Khắc Khánh	01/01/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	6.50	5.60	4.60	16.70
237	1910	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đồng Minh Khánh	02/11/2002	Nam	Yên Bái	1		D01	6.75	4.80	4.60	16.15
238	2405	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Quốc Khánh	05/08/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		D01	6.75	6.60	4.00	17.35
239	2073	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Thiên Khánh	01/03/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.00	7.20	5.00	18.20
240	2443	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Quốc Khánh	17/05/2002	Nam	Lào Cai	1		D01	7.00	4.20	4.20	15.40
241	2101	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Huy Khoa	25/08/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.75	7.40	3.60	17.75
242	2246	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lã Đức Lân	12/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.25	7.20	2.40	15.85
243	1850	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Liễu	23/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	7.50	7.20	5.20	19.90
244	2326	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Cao Văn Linh	09/08/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	5.20	2.60	15.80
245	2215	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Văn Long	18/04/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	6.50	5.80	4.80	17.10
246	2373	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Huy Long	01/08/2002	Nam	Hải Dương	2		D01	7.50	7.00	4.40	18.90
247	2362	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Hoàng Long	23/09/2002	Nam	Nam Định	2		D01	7.25	6.80	4.80	18.85
248	1909	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Xuân Lộc	22/06/2002	Nam	Cao Bằng	1		D01	4.00	4.75	6.40	15.15
249	2456	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Hương Lý	25/09/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	7.25	5.20	2.80	15.25
250	1859	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Bích Mai	16/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	8.80	6.40	22.20

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
251	1981	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lương Đức	Mạnh	11/12/2002	Nam	Ninh Bình	1		D01	5.25	5.20	4.20	14.65
252	2042	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Văn	Mạnh	24/09/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.80	6.25	4.50	18.55
253	1926	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Bảo	Minh	27/08/2002	Nam	Thái Bình	2		D01	6.50	6.40	5.00	17.90
254	2222	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Tuấn	Minh	07/05/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	6.25	7.00	4.80	18.05
255	1915	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Trà	My	10/11/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.50	7.40	3.20	18.10
256	2342	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đình Thọ	Nam	27/07/2002	Nam	Hà Nội	3	01	D01	7.75	6.80	4.80	19.35
257	1795	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Văn	Nam	05/10/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	4.75	7.00	4.40	16.15
258	2199	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đình	Nam	11/07/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	5.20	3.00	15.70
259	1844	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Huy Phương	Nam	17/04/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.25	5.40	3.20	15.85
260	2424	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị	Nga	28/08/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.75	6.00	3.20	16.95
261	2135	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đào Kim	Ngân	01/11/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	8.00	6.20	4.80	19.00
262	2026	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Thị	Ngân	30/06/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.50	6.00	5.00	18.50
263	2371	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Thị Kim	Ngân	13/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	5.80	3.00	15.55
264	2480	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đoàn Minh	Nghĩa	24/08/2002	Nam	Ninh Bình	1		D01	6.75	7.60	6.00	20.35
265	2270	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Chu Thị Hồng	Ngọc	24/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	7.80	3.20	18.75
266	1816	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức	Ngọc	25/04/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.25	4.00	4.40	15.65
267	2074	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Minh	Ngọc	04/04/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.00	7.00	3.80	17.80
268	2067	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Thị Hồng	Nhung	11/06/2002	Nữ	Thanh Hoá	1		D01	7.50	6.60	3.80	17.90
269	2249	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Ngọc	Phản	28/07/2002	Nam	Lạng Sơn	1		D01	5.75	5.20	4.00	14.95
270	1949	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Duy	Phi	03/07/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	8.00	6.20	2.20	16.40
271	2182	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Hùng	Phong	10/07/2002	Nam	Hà Nội	1		D01	6.00	5.20	3.20	14.40
272	1833	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Nam	Phong	08/01/2002	Nam	Hải Dương	2NT		D01	6.00	6.40	3.00	15.40
273	1993	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Minh	Phú	25/08/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	8.00	9.40	6.40	23.80
274	1914	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đình	Phúc	08/04/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.00	7.80	6.00	19.80
275	2412	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thành	Phương	01/02/2002	Nam	Điện Biên	1		D01	7.25	5.60	5.20	18.05
276	2418	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Cao Văn	Quang	12/11/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.75	7.40	3.00	17.15
277	1797	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đình Thế	Quang	10/09/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	6.50	5.40	5.20	17.10
278	1906	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Minh	Quang	17/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.50	6.40	4.00	17.90

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
279	1812	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Sễn Chân	Quang	16/10/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	6.75	6.80	3.20	16.75
280	2169	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Tạ Minh	Quang	16/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.25	6.60	4.40	17.25
281	2310	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Hồng	Quân	01/01/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.50	8.20	4.60	19.30
282	2106	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Anh	Quân	31/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.25	7.60	2.60	15.45
283	2349	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Anh	Quân	22/03/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.25	8.00	2.60	17.85
284	2241	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Minh	Quân	25/03/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.00	4.40	6.60	18.00
285	1984	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phan Văn	Quân	28/06/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		A00	7.00	3.50	5.75	16.25
286	2325	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn	Quý	16/02/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	6.60	3.20	17.30
287	2161	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Hương	Quỳnh	08/01/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	8.00	7.20	4.80	20.00
288	2515	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Hoàng Như	Son	30/09/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	5.60	7.75	3.80	17.15
289	2394	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phan Văn	Son	04/02/2002	Nam	Lào Cai	1		A00	8.20	8.00	7.00	23.20
290	2102	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Tùng	Son	12/02/2002	Nam	Ninh Bình	1		D01	5.00	5.00	3.60	13.60
291	2460	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Văn	Sỹ	12/10/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.50	7.60	2.60	17.70
292	1792	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đào Ngọc	Tân	07/03/2001	Nam	Hà Nam	2NT		D01	6.50	7.20	2.40	16.10
293	2216	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lã Xuân	Tiến	06/11/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	6.80	3.40	17.70
294	1968	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trịnh Duy	Tiến	24/09/2002	Nam	Hoà Bình	1		D01	7.00	6.60	3.20	16.80
295	2510	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức	Tiếp	12/04/2002	Nam	Hung Yên	2NT		A00	6.60	4.25	3.50	14.35
296	2288	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Phú	Tới	21/04/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.50	7.20	2.60	16.30
297	2208	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Tuấn	Tú	22/01/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.80	5.25	7.00	20.05
298	2237	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Anh	Tú	12/04/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.66	3.80	6.40	15.86
299	2399	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Xuân	Tú	26/08/2002	Nam	Thái Bình	2NT		A00	7.00	6.25	6.00	19.25
300	2094	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Man Thanh	Tùng	21/06/2002	Nam	Hà Nội	1	01	D01	6.50	6.80	2.00	15.30
301	2353	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Việt	Tùng	26/02/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		A00	7.40	3.75	7.25	18.40
302	1913	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Văn	Tùng	31/08/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	5.75	8.00	4.60	18.35
303	2105	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Ngọc	Tuyền	23/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.25	7.60	4.00	18.85
304	1820	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Văn	Tuyền	11/06/2002	Nam	Bắc Giang	1		D01	7.25	7.40	4.40	19.05
305	2150	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Cao	Tường	12/01/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.25	7.80	3.00	18.05
306	1904	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Thị Phương	Thanh	02/01/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.50	8.20	3.60	19.30

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
307	2110	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Tuấn Thành	19/05/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	4.50	8.20	2.60	15.30
308	2248	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đàm Minh Thao	15/03/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	6.50	6.60	4.60	17.70
309	1856	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Phương Thảo	04/06/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.00	7.40	4.60	19.00
310	2459	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	6.20	4.80	18.75
311	1965	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Diệu Thi	18/09/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	6.75	7.40	5.40	19.55
312	2235	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đình Thi	14/09/2001	Nam	Hưng Yên	2NT		D01	6.00	7.40	3.00	16.40
313	2017	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Thị Kim Thi	09/11/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	6.25	6.40	6.20	18.85
314	1818	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Thiệu	14/10/2002	Nam	Hà Nội	2		A00	8.00	7.50	5.75	21.25
315	2284	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Hoài Thu	01/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.20	2.40	16.60
316	2397	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Đức Thuận	26/07/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.75	8.00	3.60	19.35
317	1837	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Phương Thùy	02/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	4.60	3.60	15.70
318	2211	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Đức Thường	03/08/2002	Nam	Thái Bình	2NT		A00	6.20	5.50	4.50	16.20
319	2416	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Thúy Trà	30/03/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	6.75	7.00	4.20	17.95
320	2075	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Quỳnh Trang	26/01/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	6.00	6.80	3.80	16.60
321	2315	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Thị Trang	10/10/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.50	7.60	4.20	19.30
322	2146	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Cao Thu Trang	14/11/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.75	5.20	4.00	16.95
323	2218	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đỗ Thị Kiều Trang	30/08/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.50	4.80	2.80	15.10
324	2344	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Thu Trang	22/03/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.25	5.80	3.00	16.05
325	1935	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thu Trang	17/05/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	8.00	6.60	4.40	19.00
326	2038	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Thị Thanh Trúc	04/02/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.00	6.60	3.80	17.40
327	1815	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Quang Trung	12/09/2002	Nam	Ninh Bình	2NT		A00	7.60	6.00	5.75	19.35
328	1831	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Vũ Thành Trung	26/04/2002	Nam	Yên Bái	1		D01	6.75	4.40	3.80	14.95
329	2403	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Trường	19/02/2002	Nam	Ninh Bình	1		D01	7.25	7.80	3.20	18.25
330	2029	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Phạm Văn Trường	18/02/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	8.00	6.00	4.20	18.20
331	1893	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trương Hữu Trường	29/08/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.75	4.80	4.00	15.55
332	2350	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Cẩm Vân	06/10/2002	Nữ	Gia Lai	1		D01	6.50	4.20	3.40	14.10
333	2214	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Đoàn Quốc Việt	27/09/2002	Nam	Điện Biên	1		D01	6.00	6.40	3.00	15.40
334	2078	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trần Tiến Việt	26/11/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	6.50	7.20	4.00	17.70

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
335	2498	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Lê Quang Vinh	10/09/2002	Nam	Hà Nam	2NT		A00	7.00	7.40	3.60	18.00
336	2277	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Tuấn Vũ	23/09/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.00	7.80	4.40	17.20
337	2312	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Việt Vũ	20/07/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.00	5.60	3.60	16.20
338	2384	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trương Văn Yên	09/01/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	7.75	7.60	4.00	19.35
339	2448	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Trương Văn Yên	09/01/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	7.75	7.60	4.00	19.35
340	2333	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Hải Yến	10/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.25	6.40	3.60	17.25
341	2183	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Ngô Quốc An	03/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	8.25	6.20	4.40	18.85
342	2497	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đồng Quỳnh Anh	04/01/2002	Nữ	Tuyên Quang	1		D01	5.25	6.60	2.60	14.45
343	1976	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Huyền Anh	28/11/2002	Nữ	Sơn La	1		D01	7.00	6.80	5.60	19.40
344	1840	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Tuyết Anh	12/11/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	6.75	4.20	3.80	14.75
345	2184	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vũ Thị Thúy Anh	30/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	4.60	4.20	16.30
346	2492	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị Ngọc ánh	20/05/2002	Nữ	Yên Bái	1		D01	7.00	7.60	6.20	20.80
347	1924	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vũ Thị ánh	24/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.25	7.40	6.00	21.65
348	2379	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thiên Bắc	13/07/2001	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.50	6.80	3.60	16.90
349	2395	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phí Thị Ngọc Bích	09/11/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	6.00	6.40	3.60	16.00
350	2136	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Đức Cam	29/05/2002	Nam	Hà Nam	2		D01	6.25	6.20	1.60	14.05
351	2003	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	An Thành Công	21/09/2002	Nam	Ninh Bình	2		A00	7.40	5.00	7.75	20.15
352	2274	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phùng Đức Công	09/08/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	5.75	6.40	2.80	14.95
353	1834	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Mạnh Cường	12/08/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.75	5.40	5.40	17.55
354	1824	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Minh Châu	17/10/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	5.75	8.20	4.60	18.55
355	2058	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Lan Chi	12/02/2002	Nữ	Cao Bằng	1	01	D01	6.50	5.60	3.40	15.50
356	1896	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Thị Tuyết Chinh	12/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.50	5.40	5.00	18.90
357	2482	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lù Văn Chương	15/10/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	6.50	4.80	2.60	13.90
358	1982	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Ngọc Diệp	20/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		A01	7.80	7.50	4.40	19.70
359	2388	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đinh Thị Dịu	24/10/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	8.00	7.40	5.00	20.40
360	2128	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Thị Thùy Dung	13/07/2002	Nữ	Quảng Ninh	2		D01	7.75	7.20	5.60	20.55
361	2008	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Dung	29/01/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.75	7.20	3.40	19.35
362	2311	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đào Văn Dũng	15/08/2002	Nam	Lào Cai	1		D01	6.00	6.20	2.40	14.60

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
363	2006	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Tiến	Dũng	23/10/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	6.25	6.80	4.00	17.05
364	1888	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Ngọc	Duy	30/10/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.25	6.60	5.00	18.85
365	2168	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Tổng Kiều	Duyên	02/01/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	8.00	6.40	3.80	18.20
366	1845	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.50	8.40	6.20	21.10
367	2453	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Vũ Đăng	Dương	03/11/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	7.50	6.20	2.80	16.50
368	2386	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Mai	Đan	15/08/2002	Nam	Quảng Ninh	1		D01	6.75	6.00	4.20	16.95
369	2200	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Khúc Anh	Đức	08/04/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.75	7.20	3.20	17.15
370	2273	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đàm Trần	Giang	09/01/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	6.25	6.40	4.00	16.65
371	2481	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đào Thị	Giang	31/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	3.80	4.00	14.80
372	2030	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đặng Thị Hương	Giang	09/01/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	6.75	7.40	4.40	18.55
373	2286	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thanh	Giang	11/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	6.00	3.00	16.50
374	2476	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thu	Giang	21/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	2		D01	6.75	7.00	5.80	19.55
375	2452	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lò Thị Thu	Hà	15/03/2002	Nữ	Yên Bái	1	01	D01	6.00	5.80	4.00	15.80
376	2252	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kim Ngọc	Hải	10/05/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.25	6.00	6.40	19.65
377	2194	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Văn	Hậu	29/08/2002	Nam	Tuyên Quang	1		D01	6.00	7.60	3.40	17.00
378	1937	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thu	Hiền	13/11/2002	Nữ	Bắc Giang	1		A00	7.00	6.00	5.25	18.25
379	1944	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thu	Hiền	12/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	7.80	1.20	15.75
380	1975	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Huy	Hiệp	15/07/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.50	5.40	3.80	15.70
381	2491	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lù Trung	Hiếu	20/10/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	7.00	6.40	4.20	17.60
382	2089	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Trung	Hiếu	08/08/2002	Nam	Quảng Ninh	2		D01	6.50	6.40	2.80	15.70
383	2301	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bản Thị	Hòa	19/06/2002	Nữ	Bắc Giang	1	01	D01	6.50	6.40	5.40	18.30
384	2143	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị	Hoài	03/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	8.00	3.60	19.60
385	1871	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Thị Bích	Hợp	28/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	7.60	4.40	18.75
386	1990	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Thị	Huế	05/12/2002	Nữ	Sơn La	1		D01	6.25	7.40	3.00	16.65
387	2471	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Châu A	Hùng	05/06/2002	Nam	Lào Cai	1	01	A00	7.80	6.00	7.75	21.55
388	2044	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Văn	Huy	18/07/2002	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.00	6.50	7.00	20.50
389	2415	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đoàn Thị	Huyền	01/04/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	6.50	7.20	3.80	17.50
390	2276	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Mai Thị Khánh	Huyền	10/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	6.60	5.00	19.60

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
391	1774	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Khánh Huyền	29/08/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	6.75	4.80	2.80	14.35
392	1827	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Khánh Huyền	20/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	6.40	4.00	18.40
393	2148	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Minh Huyền	31/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	6.20	5.00	19.20
394	2486	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Hương	02/07/2002	Nữ	Nam Định	2NT		A00	7.80	7.50	7.00	22.30
395	1942	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Hường	28/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	6.60	3.40	16.75
396	2004	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Đình Kiên	14/11/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	7.25	7.40	5.40	20.05
397	1902	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Gia Khanh	31/01/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.00	7.20	5.20	19.40
398	2389	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Đình Khôi	28/04/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	4.50	6.80	5.40	16.70
399	2155	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nông Bình Khương	17/05/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	7.75	4.40	3.00	15.15
400	2382	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Dương Tuấn Lan	12/03/2002	Nữ	Quảng Ninh	2		D01	6.00	7.00	5.40	18.40
401	2210	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị Lan	04/02/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	9.00	5.40	2.60	17.00
402	1848	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị Ngọc Lan	19/04/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	6.75	7.20	3.60	17.55
403	2118	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Mỹ Lệ	11/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	6.25	4.60	17.85
404	2501	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Khà Đức Liêm	11/03/2002	Nam	Hoà Bình	1	01	D01	5.50	5.80	4.40	15.70
405	2422	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Vũ Diệu Linh	10/10/2002	Nữ	Hải Phòng	2		D01	5.25	7.00	4.60	16.85
406	1953	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Kiều Linh	09/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	6.20	5.20	19.40
407	2070	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Khánh Linh	30/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.20	5.00	20.20
408	1864	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.40	2.60	17.00
409	2129	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Thúy Linh	06/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	6.60	2.00	15.35
410	2440	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị Thùy Linh	28/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.80	2.40	17.20
411	2010	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vương Thị Mỹ Linh	09/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	4.00	4.00	15.75
412	2035	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Hoàng Long	18/08/2002	Nam	Thanh Hoá	1		D01	6.50	7.20	3.60	17.30
413	1883	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Thị Lộc	17/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	8.20	4.80	20.75
414	2368	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thế Lợi	09/05/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.75	5.60	2.40	13.75
415	2144	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Văn Lương	18/12/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.75	7.40	3.00	16.15
416	2409	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Cư A Lưu	13/09/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	6.50	5.80	3.20	15.50
417	2287	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đoàn Thị Đô Ly	11/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.75	5.80	2.80	14.35
418	2077	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Gia Mạnh	20/05/2002	Nam	Hà Nam	2NT		D01	8.50	7.80	4.40	20.70

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
419	2494	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Thị Mến	16/10/2002	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	7.00	7.20	4.60	18.80
420	2031	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phan Thanh Minh	19/05/2002	Nam	Hà Tĩnh	2NT		D01	7.50	4.80	2.40	14.70
421	2251	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Hữu Nam	05/08/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.75	6.40	3.40	15.55
422	1887	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thành Nam	14/02/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.50	6.80	4.40	18.70
423	1917	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thùy Ninh	19/04/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.50	7.60	4.40	19.50
424	1983	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Hoài Ngọc	27/04/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	6.50	6.40	3.40	16.30
425	1918	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hà Tuấn Phong	18/01/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.75	6.00	3.60	16.35
426	2414	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Hoài Phương	09/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	8.40	3.20	19.60
427	1979	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Phương	30/10/2002	Nữ	Thanh Hoá	2		D01	7.25	5.80	3.00	16.05
428	1881	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vương Thị Thanh Phương	12/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	8.00	3.00	18.00
429	1805	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đinh Hồng Quang	11/04/2002	Nam	Hoà Bình	1		D01	6.25	6.20	4.40	16.85
430	2093	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Hồng Quý	25/11/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.25	3.20	5.00	16.45
431	2212	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Quyên	25/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	7.25	7.00	4.20	18.45
432	2025	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thái Quyết	01/02/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.50	6.40	5.20	18.10
433	1877	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đinh Thị Như Quỳnh	16/10/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		A00	7.00	5.50	5.50	18.00
434	2393	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Ngô Thị Quỳnh	07/10/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		A00	8.00	6.00	7.75	21.75
435	2289	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Ngọc Quỳnh	21/09/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	6.50	8.00	4.80	19.30
436	1794	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Phương Quỳnh	02/07/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.75	6.80	3.80	18.35
437	2226	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trương Như Sơn	05/06/2002	Nam	Thanh Hoá	2		D01	7.50	5.00	4.20	16.70
438	2291	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Thị Tâm	08/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	6.40	3.40	17.55
439	2124	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vì Văn Tân	01/12/2002	Nam	Hoà Bình	1	01	D01	7.00	6.20	4.00	17.20
440	1971	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đái Trinh Mạnh Tuấn	05/10/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.75	6.20	2.80	15.75
441	2149	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Quang Tuấn	05/10/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.00	4.60	4.80	14.40
442	2028	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Ngô Anh Tuấn	03/02/2002	Nam	Thái Nguyên	2		D01	6.25	7.40	3.60	17.25
443	1802	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đinh Thanh Tùng	18/04/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	6.50	5.40	5.40	17.30
444	2512	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Hồng Tươi	27/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	7.20	7.40	20.60
445	2092	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đặng Thị Phương Thanh	02/07/2002	Nữ	Nam Định	2NT		C00	6.75	3.25	6.75	16.75
446	2328	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Thị Thanh Thanh	08/09/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	6.75	6.60	4.40	17.75

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
447	1773	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Văn Thanh	08/11/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	7.25	6.20	5.20	18.65
448	2423	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đoàn Thị Phương Thảo	17/10/2001	Nữ	Hải Phòng	2		D01	7.25	7.00	3.80	18.05
449	2100	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Thu Thảo	14/06/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	7.50	5.60	4.20	17.30
450	1899	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lương Thanh Thảo	06/02/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	8.00	7.40	4.20	19.60
451	1905	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	6.60	3.40	17.00
452	1986	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trịnh Thị Phương Thảo	27/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.50	7.20	4.00	18.70
453	1972	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Khúc Hồng Thắm	27/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	7.40	3.00	17.90
454	2356	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Thắm	04/03/2002	Nữ	Nghệ An	1		D01	6.00	7.40	4.40	17.80
455	1901	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Đức Thắng	26/05/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		D01	6.25	2.80	3.20	12.25
456	2477	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vi Văn Thiên	03/03/2002	Nam	Nghệ An	1	01	D01	7.75	5.80	3.00	16.55
457	2502	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vũ Văn Thịnh	13/08/2002	Nam	Hải Dương	2NT		D01	7.00	6.00	4.40	17.40
458	1927	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Cao Xuân Thu	02/12/2002	Nữ	Thái Nguyên	1		D01	7.50	6.00	3.60	17.10
459	1876	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Thị Xuân Thu	16/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.50	5.00	3.00	13.50
460	2413	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Thị Phương Thủy	23/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.60	4.60	20.20
461	2488	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đoàn Quỳnh Thư	22/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	7.20	3.60	18.30
462	1925	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Vũ Thương Thương	23/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.25	6.60	3.20	17.05
463	2076	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Phạm Hương Trà	22/03/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	8.00	7.60	4.20	19.80
464	2309	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lê Thị Thùy Trang	04/10/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	6.80	4.40	19.20
465	1938	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lương Hồng Trang	10/05/2002	Nữ	Bắc Giang	1		D01	7.25	7.00	3.80	18.05
466	1920	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/07/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	7.75	6.40	5.00	19.15
467	2304	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/09/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.60	8.00	4.60	20.20
468	2072	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Thị Thùy Trang	16/09/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	8.25	6.40	4.80	19.45
469	2153	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lưu Quốc Trọng	04/12/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	8.50	4.20	4.40	17.10
470	2306	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Ngô Đức Trung	07/07/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.50	6.60	2.60	16.70
471	2442	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Sinh Trường	28/08/2002	Nam	Quảng Ninh	2		D01	7.25	7.20	5.00	19.45
472	1821	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hoàng Thị Uyên	09/10/2002	Nữ	Bắc Giang	1		D01	7.25	6.40	4.20	17.85
473	2318	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lương Khánh Vinh	04/01/2002	Nam	Lào Cai	1	01	D01	6.50	6.60	3.80	16.90
474	2138	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Ngô Văn Vinh	19/01/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	7.50	7.00	5.20	19.70

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
475	1900	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Tuấn Vũ	07/09/2002	Nam	Vĩnh Phúc	1		D01	5.25	7.20	5.40	17.85
476	2499	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Đỗ Hải Yên	01/01/2002	Nữ	Quảng Ninh	2		D01	6.75	7.60	4.00	18.35
477	2447	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Hồng Yên	23/02/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.00	7.20	2.80	17.00
478	2438	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Mỹ An	22/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.25	7.20	4.40	19.85
479	2320	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Hải Anh	27/09/2002	Nữ	Nam Định	3		D01	6.00	8.40	5.40	19.80
480	2039	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Ngọc Anh	02/02/2002	Nữ	Yên Bái	1	01	D01	5.75	6.40	3.60	15.75
481	1793	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thảo Anh	19/05/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.50	5.40	4.40	17.30
482	1853	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Lan Anh	29/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.75	6.40	3.60	15.75
483	1867	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lưu Trần Phan Anh	20/09/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.50	6.20	4.00	16.70
484	1952	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	02/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.50	7.60	4.60	17.70
485	2290	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Việt Anh	23/03/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.50	6.80	3.20	16.50
486	1847	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Đức Anh	15/02/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	5.00	5.40	3.00	13.40
487	2234	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Tú Anh	20/05/2002	Nữ	Hồ Chí Minh	3		D01	7.00	7.80	4.20	19.00
488	2461	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Đức Anh	21/11/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	4.25	7.60	4.40	16.25
489	2205	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Lan Anh	29/10/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.00	6.20	5.80	20.00
490	2082	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Vân Anh	30/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.50	8.80	4.40	20.70
491	1958	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Ngọc ánh	12/02/2002	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	8.25	6.00	4.60	18.85
492	2478	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Hồng ánh	03/10/2002	Nữ	Yên Bái	1	01	D01	6.50	6.20	6.00	18.70
493	2372	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Ngọc ánh	01/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	7.20	3.20	16.40
494	2262	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Ngọc ánh	14/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	6.80	4.20	18.75
495	1966	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Ngọc Bích	07/06/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.25	7.00	3.40	17.65
496	1807	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Ngọc Bích	17/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.25	6.60	4.20	18.05
497	1875	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Tất Bình	21/08/2002	Nam	Hà Nội	1	01	D01	7.00	3.40	1.80	12.20
498	2159	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Cư	18/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	4.40	2.00	13.40
499	1772	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thu Chang	08/01/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	8.00	7.00	4.00	19.00
500	2272	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Quỳnh Chi	14/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	7.20	3.40	18.60
501	2364	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Thanh Chúc	17/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	6.40	4.20	16.60
502	2059	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Ngô Thị Dung	29/07/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.25	7.80	6.20	21.25

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
503	2203	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Thái Thị Thùy Dung	09/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		A01	8.20	7.00	3.40	18.60
504	2327	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Anh Dũng	28/12/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.75	5.80	4.40	15.95
505	1969	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Khánh Duy	01/11/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	6.50	6.80	4.00	17.30
506	1967	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Hồng Duyên	19/04/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	5.50	6.80	3.60	15.90
507	2506	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thành Đạt	17/06/2002	Nam	Quảng Ninh	2		D01	6.25	8.00	3.60	17.85
508	1796	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Chu Tiến Đạt	30/06/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	8.00	7.80	4.40	20.20
509	1836	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Hữu Đạt	12/04/2002	Nam	Hưng Yên	2NT		D01	4.75	8.00	4.60	17.35
510	1940	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thành Đạt	25/03/2002	Nam	Ninh Bình	2		D01	6.25	7.60	4.00	17.85
511	1819	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Cù Thị Hương Giang	21/02/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	6.50	7.00	3.60	17.10
512	2267	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Thị Thêu Giang	16/04/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.25	7.80	4.20	20.25
513	1879	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Cao Thu Hà	22/01/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	8.25	7.20	3.40	18.85
514	1849	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hà	26/03/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	4.75	6.40	2.80	13.95
515	1991	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thu Hà	14/06/2002	Nữ	Phú Thọ	2		D01	7.00	3.60	3.60	14.20
516	2377	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Ngọc Hà	07/02/2002	Nữ	Hà Tĩnh	1		D01	7.50	7.40	4.40	19.30
517	2316	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Thu Hà	23/04/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.50	6.20	5.20	18.90
518	1828	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thúy Hà	15/07/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.75	7.60	4.00	19.35
519	2120	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Hạnh	26/06/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	6.25	7.80	2.80	16.85
520	2173	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Hạnh	08/08/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	7.00	6.60	3.60	17.20
521	2485	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Hạnh	14/10/2002	Nữ	Hà Giang	1		D01	7.75	8.00	6.60	22.35
522	2503	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Hào	09/05/2002	Nữ	Điện Biên	1		D01	6.00	5.00	4.00	15.00
523	2296	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thu Hằng	27/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	7.40	3.40	16.80
524	2180	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Minh Hằng	18/04/2002	Nữ	Lạng Sơn	1		D01	7.00	6.20	3.40	16.60
525	2060	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Thu Hằng	28/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	6.40	2.60	17.00
526	2154	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/07/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.50	6.60	4.60	18.70
527	2020	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hiền	01/06/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	6.00	7.20	4.40	17.60
528	2175	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Võ Thị Thu Hiền	08/01/2002	Nữ	Bắc Giang	1		D01	7.00	7.20	4.80	19.00
529	2374	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Mai Trung Hiếu	13/01/2002	Nam	Hưng Yên	2		D01	5.75	7.20	3.20	16.15
530	2095	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Quỳnh Hoa	19/08/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.00	5.40	4.00	16.40

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
531	2322	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Phương Hoa	19/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.50	7.00	5.60	21.10
532	2283	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/03/2002	Nữ	Hoà Bình	1		D01	7.25	5.40	3.60	16.25
533	2141	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đoàn Minh Hoàng	20/12/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	6.25	6.20	5.40	17.85
534	2321	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lương Đình Hoàng	16/06/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	7.00	7.60	3.80	18.40
535	2300	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Minh Hoàng	09/07/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.00	7.20	3.60	17.80
536	1959	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Huy Hoàng	24/04/2002	Nam	Hoà Bình	1		A00	8.00	6.50	6.75	21.25
537	1775	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Mạnh Hoàng	15/11/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2		D01	7.00	5.60	4.00	16.60
538	2202	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hồng	08/07/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.25	6.20	2.40	16.85
539	2282	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hồng	13/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	5.40	3.60	15.75
540	2268	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Huế	28/03/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.00	7.20	3.60	18.80
541	2119	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Thu Huệ	13/10/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	6.50	7.60	5.80	19.90
542	2258	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thu Huệ	29/10/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.50	6.80	3.20	17.50
543	1791	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Đức Hùng	17/10/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.25	6.80	4.00	17.05
544	2080	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Văn Huy	05/08/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.25	8.40	2.40	18.05
545	1786	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Quang Huy	20/11/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.75	7.20	3.60	18.55
546	1994	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Chu Thị Huyền	13/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	8.00	4.80	20.30
547	1978	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Thị Thu Huyền	06/06/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	7.00	7.60	3.80	18.40
548	2043	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Huyền	12/03/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	5.50	5.60	4.00	15.10
549	2066	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Huyền	02/02/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		A00	7.40	6.00	8.25	21.65
550	2024	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thúy Huyền	29/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	7.80	3.60	18.90
551	2441	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Thanh Hương	19/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	5.80	2.00	15.30
552	2187	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Dương Thị Hương	03/08/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.00	7.00	5.00	20.00
553	2392	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Mai Hương	16/08/2002	Nữ	Thanh Hoá	2		D01	7.75	6.00	3.20	16.95
554	2049	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hương	03/02/2002	Nữ	Hà Tĩnh	2NT		D01	7.00	7.00	4.40	18.40
555	2319	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Thúy Hương	04/09/2002	Nữ	Bắc Giang	1		A00	7.80	5.50	7.75	21.05
556	2065	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Hương	18/12/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.25	7.20	3.80	18.25
557	1897	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Thu Hương	21/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.80	3.20	19.00
558	2165	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Chu Thành Kiểm	21/05/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.75	6.60	2.00	15.35

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
559	2023	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Tạ Minh Khải	12/11/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.50	6.00	2.00	14.50
560	2449	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Thị Lan	04/11/2002	Nữ	Phú Thọ	2NT		D01	7.50	7.60	6.80	21.90
561	2385	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Hương	11/05/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.50	5.40	4.80	17.70
562	2398	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đồng Thị Lan	11/09/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	7.25	5.40	4.20	16.85
563	2261	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Lan	30/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	7.80	4.60	19.90
564	1950	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hương	20/04/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	6.60	3.20	16.55
565	1985	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Phương	13/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	7.80	4.20	19.75
566	2193	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Hải Lành	16/08/2002	Nam	Hoà Bình	1	01	D01	4.50	4.00	3.00	11.50
567	2131	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đào Bá Linh	09/06/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	7.00	4.40	7.20	18.60
568	2454	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đào Duyên	15/02/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	7.50	6.00	4.60	18.10
569	1907	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Mai	06/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.50	6.40	2.00	16.90
570	2022	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Linh	26/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	6.60	1.60	15.95
571	1947	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Hoàng Hiệp	15/06/2002	Nam	Thái Bình	2NT		D01	5.75	3.00	3.40	12.15
572	2112	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thùy	17/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	6.60	4.20	18.80
573	2294	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Ngọc	18/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	6.20	3.20	15.40
574	1908	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Phương	17/04/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	6.40	2.40	16.30
575	2242	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Lụa	29/01/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	6.50	7.80	3.80	18.10
576	2177	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Ngọc Ly	27/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.25	5.20	3.00	15.45
577	2132	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Nhật Minh	19/05/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.75	7.00	4.20	16.95
578	2219	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Anh Minh	15/07/2002	Nam	Quảng Ninh	2	01	D01	4.50	4.20	2.60	11.30
579	2410	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Hoàng Minh	28/01/2002	Nam	Nghệ An	2		D01	5.50	5.40	7.40	18.30
580	2096	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Lê Huyền My	28/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	6.40	5.00	18.90
581	2209	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Diễm My	04/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.50	6.60	2.20	14.30
582	2375	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Nương	12/02/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.50	8.60	5.20	21.30
583	2019	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thúy Nga	23/11/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.50	6.40	3.80	17.70
584	2259	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Mai Thị Hằng Nga	18/04/2002	Nữ	Nam Định	2NT		A00	7.60	7.75	6.75	22.10
585	2186	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Nga	05/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.25	6.20	2.40	14.85
586	1948	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Phương Nga	19/05/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.75	6.00	3.80	17.55

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
587	1823	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Hồng Ngát	31/05/2002	Nữ	Bắc Giang	1	01	D01	6.25	7.40	4.20	17.85
588	2122	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/12/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	6.25	6.40	2.00	14.65
589	2337	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đào Lê Ngọc	21/03/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	8.25	7.60	5.20	21.05
590	2051	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị ánh Ngọc	23/08/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	7.50	7.20	4.40	19.10
591	2231	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn ánh Ngọc	10/04/2002	Nữ	Hoà Bình	1		D01	6.25	5.40	2.60	14.25
592	2188	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Bích Ngọc	25/09/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.75	5.80	4.40	17.95
593	2064	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	20/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.25	7.60	3.00	16.85
594	2359	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Minh Ngọc	27/03/2002	Nữ	Bắc Giang	1		D01	7.00	4.20	3.80	15.00
595	2213	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Hồng Ngọc	15/10/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	8.00	5.00	20.75
596	2457	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Văn Nguyên	21/12/2002	Nam	Hoà Bình	1		D01	6.50	5.80	3.20	15.50
597	2370	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Nhâm	21/04/2002	Nữ	Quảng Ninh	1		D01	6.50	6.60	5.00	18.10
598	2490	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Thảo Nhi	03/05/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	4.20	1.20	13.40
599	1808	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Chu Hồng Nhung	23/08/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.25	6.00	3.00	16.25
600	2308	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Hồng Nhung	13/06/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	7.75	5.80	3.60	17.15
601	2063	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Nhung	20/08/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.75	6.40	4.00	18.15
602	2069	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Quỳnh Như	18/02/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.25	5.40	4.40	17.05
603	2363	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Hà Phương	02/11/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	6.25	4.60	3.80	14.65
604	2013	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Mai Thị Phương	12/12/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		A00	7.00	6.25	7.25	20.50
605	1817	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Phương	14/12/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	8.75	7.60	3.60	19.95
606	2197	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Phương	22/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	6.80	2.40	16.20
607	2236	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Phương	12/03/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.25	7.60	3.60	19.45
608	2487	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thu Phương	09/06/2002	Nữ	Tuyên Quang	1		D01	8.25	7.60	4.60	20.45
609	1943	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trương Ngọc Phương	09/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	5.00	3.20	15.95
610	2479	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Ngọc Phương	28/06/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.00	8.40	6.40	22.80
611	2220	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Kim Phương	25/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.25	6.80	3.60	16.65
612	2466	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Minh Phương	17/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.00	7.00	4.80	19.80
613	1851	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Văn Quan	24/04/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.00	7.20	3.80	18.00
614	2381	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Trọng Việt Quang	27/11/2002	Nam	Hải Dương	2NT		D01	6.25	6.20	2.40	14.85

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
615	2280	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Việt Quang	05/01/2002	Nam	Nghệ An	2		D01	7.50	7.80	5.00	20.30
616	1962	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phan Nhật Quang	16/05/2002	Nam	Hoà Bình	1		A00	6.00	4.25	5.50	15.75
617	2062	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Thị Quyên	24/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	7.00	2.20	15.20
618	2346	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Chí Quyền	28/03/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	5.25	6.20	2.20	13.65
619	2012	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Dương Thị Quỳnh	18/01/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	7.75	7.80	4.80	20.35
620	2040	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Diễm Quỳnh	09/01/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	8.00	8.00	4.20	20.20
621	2140	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Diễm Quỳnh	10/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.25	6.40	5.80	20.45
622	2463	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Diễm Quỳnh	08/05/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	7.75	6.60	4.00	18.35
623	1854	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Như Quỳnh	12/09/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.25	6.80	2.80	16.85
624	2103	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Quỳnh	20/05/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.50	5.20	4.60	17.30
625	2504	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Quỳnh	06/02/2002	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	6.60	6.00	4.50	17.10
626	1863	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Hoài Sơn	12/08/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	7.00	5.60	2.40	15.00
627	2147	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Việt Tiên	15/08/2002	Nam	Nam Định	2NT		D01	8.25	7.40	3.80	19.45
628	2192	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Duy Tiến	18/11/2002	Nam	Hoà Bình	1	01	D01	4.75	4.60	2.80	12.15
629	2358	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Trọng Tiến	10/06/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.00	7.40	4.60	19.00
630	1855	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Minh Toàn	06/04/2002	Nam	Ninh Bình	2		A00	7.00	6.25	7.50	20.75
631	2475	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Cẩm Tú	22/02/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	8.50	7.60	3.40	19.50
632	2305	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Ngọc Tùng	07/09/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.50	4.20	2.60	12.30
633	2099	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Phương Thanh	22/02/2002	Nữ	Hà Nội	1	01	D01	7.25	4.40	3.60	15.25
634	2190	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lã Thị Thành	27/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.75	8.80	5.40	20.95
635	2091	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thu Thảo	17/06/2002	Nữ	Quảng Ninh	2		D01	8.25	7.00	4.20	19.45
636	2254	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Văn Thảo	07/05/2002	Nam	Phú Thọ	1		D01	7.50	7.00	5.60	20.10
637	2071	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Phương Thảo	26/03/2002	Nữ	Ninh Bình	1		D01	8.00	7.40	3.00	18.40
638	2507	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Đình Thắng	11/01/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	8.00	8.80	3.00	19.80
639	2255	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Anh Thi	14/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.80	5.80	21.60
640	2323	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Thoan	17/08/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.75	8.40	4.60	20.75
641	1995	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đặng Thị Anh Thơ	03/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	8.60	4.20	19.80
642	2253	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đỗ Thị Thom	16/07/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.50	8.00	5.60	21.10

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
643	2464	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hà Thị Minh Thu	09/02/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	6.50	8.00	3.60	18.10
644	1951	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Xa Thị Kim Thu	12/10/2002	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	8.25	4.60	3.00	15.85
645	1869	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đàm Quang Thuận	27/06/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	6.00	5.60	2.80	14.40
646	1878	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thu Thủy	16/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.25	5.00	3.20	14.45
647	2037	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đồng Thanh Thủy	16/12/2002	Nữ	Yên Bái	1		D01	6.75	4.20	4.20	15.15
648	2174	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Huỳnh Mai Anh Thư	22/05/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.25	6.80	3.80	17.85
649	2365	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thương	07/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	6.00	4.00	3.40	13.40
650	2314	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Mai Thương	24/10/2002	Nữ	Nghệ An	2NT		D01	7.40	8.25	3.80	19.45
651	2117	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đinh Thị Trang	10/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.75	7.00	3.60	16.35
652	2429	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Khuất Thị Thanh Trang	29/11/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	8.25	6.60	4.80	19.65
653	2354	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Huyền Trang	18/10/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	8.25	7.20	6.40	21.85
654	2378	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Thùy Trang	18/10/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.25	7.20	5.80	20.25
655	2369	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Linh Trang	23/12/2002	Nữ	Tuyên Quang	1		D01	7.75	6.80	2.60	17.15
656	2390	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Ngọc Phương Trang	25/05/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	6.00	5.80	3.80	15.60
657	2439	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thị Huyền Trang	29/07/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.40	4.80	20.20
658	2298	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Văn Trung	27/12/2000	Nam	Thái Bình	2		D01	7.00	4.60	2.80	14.40
659	2324	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Hà Uyên	26/05/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.00	6.40	3.00	16.40
660	2036	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Thị Thu Uyên	15/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	5.00	2.20	15.20
661	2355	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Long Vũ	16/07/2002	Nam	Vĩnh Phúc	2NT		D01	5.00	6.00	2.60	13.60
662	2302	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Hải Yến	13/09/2002	Nữ	Tuyên Quang	1		D01	7.25	5.80	3.40	16.45
663	1930	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Yến	20/10/2002	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	6.25	5.00	4.80	16.05
664	1788	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Cao Thị Lan Anh	16/05/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.25	6.60	4.00	18.85
665	2230	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hoàng Thị Hải Anh	04/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.25	7.60	5.20	21.05
666	2079	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Bùi Thị Chúc	15/02/2002	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	6.25	6.60	4.20	17.05
667	2018	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lưu Thị Chúc	12/02/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	8.25	7.00	2.80	18.05
668	1890	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Thị Quỳnh Diễm	03/02/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	7.50	6.00	2.20	15.70
669	2134	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Phước Hồng Đức	20/03/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.50	6.60	2.40	15.50
670	2361	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đặng Minh Hoàn	15/12/2002	Nam	Hoà Bình	1		D01	5.75	5.80	1.80	13.35

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
671	2224	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Quang	Huy	19/11/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.75	6.40	2.80	14.95
672	2445	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hoàng Thị	Huyền	03/02/2002	Nữ	Nghệ An	1		D01	5.25	5.40	3.00	13.65
673	2425	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Thu	Huyền	04/11/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.50	6.60	3.60	16.70
674	2016	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Trung	Kiên	17/04/2002	Nam	Ninh Bình	1		D01	6.50	6.60	2.80	15.90
675	1886	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Bùi Đức	Mạnh	08/04/2002	Nam	Yên Bái	1	01	D01	5.50	5.60	2.00	13.10
676	2021	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Trọng	Nghĩa	05/08/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.25	7.40	4.60	17.25
677	2435	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đặng Thị Minh	Ngọc	18/09/2002	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	7.50	8.00	4.00	19.50
678	2243	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Mạc Hùng	Phong	02/04/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	4.75	3.00	7.60	15.35
679	2437	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Bích	Phượng	10/12/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	6.25	6.00	2.00	14.25
680	1946	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Xuân	Tài	23/08/2002	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.00	7.40	4.00	18.40
681	2057	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đình Mạnh	Toàn	09/02/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	5.75	7.20	3.60	16.55
682	2257	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Mai Anh	Tuyết	14/01/2002	Nam	Tuyên Quang	1	01	D01	7.00	7.20	4.00	18.20
683	2048	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Đức	Thành	19/09/2002	Nam	Hà Nội	1		D01	5.50	4.20	3.60	13.30
684	2428	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị	Thảo	09/08/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.75	5.20	4.00	15.95
685	2317	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị	Thi	29/10/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.75	6.80	2.60	17.15
686	2472	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Thị Thu	Thủy	01/11/2002	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.00	8.40	7.40	22.80
687	1814	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Thị Thu	Trang	18/02/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.25	6.80	4.60	19.65
688	2427	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phan Thị Kiều	Trang	07/09/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.75	5.40	4.00	16.15
689	2338	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Thu	Trang	17/04/2002	Nữ	Hà Nam	2		D01	8.00	8.20	4.00	20.20
690	1998	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đoàn Thị Yến	Vi	30/06/2002	Nữ	Kon Tum	1		D01	7.00	4.40	2.80	14.20
691	2225	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Tuấn Hiền	Vinh	18/10/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	4.75	5.20	5.80	15.75
692	1789	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị	Yến	02/12/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.50	7.40	3.20	16.10
693	2430	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Phạm Thị	Bé	06/11/2002	Nữ	Thanh Hoá	1		D01	7.25	5.80	2.40	15.45
694	1999	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Vũ Quỳnh	Chi	12/08/2002	Nữ	Yên Bái	1		D01	8.00	7.20	5.40	20.60
695	2432	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Bùi Trung	Dũng	31/01/2002	Nam	Nam Định	2		D01	6.25	6.40	4.00	16.65
696	1843	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Việt	Duy	19/08/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	8.50	9.00	7.80	25.30
697	2335	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Lê Trung	Giang	20/08/2001	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	8.50	8.40	4.60	21.50
698	1932	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/10/2002	Nữ	Hà Nội	1		D01	7.50	5.40	4.00	16.90

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
699	2167	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thu	Hiền	28/03/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.50	8.60	5.00	21.10
700	2505	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Mai Trung	Hiếu	13/01/2002	Nam	Hung Yên	2		D01	5.75	7.20	3.20	16.15
701	2198	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Đặng Việt	Hoàng	14/02/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	6.42	2.80	5.80	15.02
702	1866	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thái	Hoàng	25/03/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.00	4.00	2.80	12.80
703	1974	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị Diễm	Hương	27/08/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.40	6.20	20.60
704	1782	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Đỗ Thị	Linh	21/03/2002	Nữ	Lào Cai	1		D01	6.50	8.00	4.00	18.50
705	2295	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Lưu Thị	Nguyên	09/03/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	6.25	6.20	5.40	17.85
706	2347	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Vũ Việt	Nhật	12/11/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.40	6.00	21.40
707	1912	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Đặng Thị Tuyết	Nhung	28/09/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.50	8.00	6.80	22.30
708	2303	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Trần Thị	Phượng	22/12/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.75	6.60	6.00	20.35
709	1870	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Ngô Thị	Quỳnh	24/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	2NT		D01	7.00	6.40	4.00	17.40
710	2360	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Vũ Thị	Quỳnh	09/09/2002	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	6.75	6.40	3.40	16.55
711	2433	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Hà Anh	Tuấn	14/07/2002	Nam	Yên Bái	1	01	D01	5.25	6.00	5.80	17.05
712	1939	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị	Tuyến	14/04/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	8.25	7.20	5.00	20.45
713	2436	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị	Tươi	20/12/2002	Nữ	Nam Định	2NT	01	D01	6.75	5.60	3.20	15.55
714	1832	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Đinh Thị Phương	Thanh	18/03/2002	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.25	6.80	3.60	17.65
715	2265	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Hoàng Thị Phương	Thảo	04/05/2002	Nữ	Thái Bình	2		D01	6.50	5.60	3.80	15.90
716	1928	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Dương Thị	Thùy	05/06/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.80	4.20	19.00
717	2108	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Lê Hồng	Thúy	10/10/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.50	6.60	5.00	19.10
718	2007	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Ngô Thị	Thương	22/05/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.00	6.80	5.00	18.80
719	2027	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Lâm Quỳnh	Trang	08/09/2002	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.50	7.00	7.00	21.50
720	2285	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị Thanh	Vân	15/11/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	6.75	5.40	4.00	16.15
721	1806	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Lê Thị Bích	Việt	06/08/2002	Nữ	Phú Thọ	1		D01	7.75	8.00	6.60	22.35
722	2206	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Trần Thị Hồng	Yến	05/01/2002	Nữ	Thái Nguyên	1	01	D01	8.25	7.40	6.00	21.65
723	1957	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Trần Thị ánh	Dương	25/09/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	7.50	4.00	5.40	16.90
724	2496	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Vũ Bá	Đoạt	13/09/2002	Nam	Bắc Giang	1		D01	7.50	8.00	5.40	20.90
725	2001	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Bản Thị	Giang	06/01/2002	Nữ	Yên Bái	1	01	D01	6.75	7.40	5.60	19.75
726	2406	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Nguyễn Thị Thu	Hằng	31/01/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	8.25	8.00	5.80	22.05

Stt	Mã HS	Ngành trúng tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Tổ hợp XT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng
727	1955	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Nguyễn Thị Hồng Hoa	11/01/2002	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.00	6.60	4.00	16.60
728	2331	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Đặng Quang Hưng	25/04/2002	Nam	Hung Yên	2NT		D01	5.00	6.60	3.20	14.80
729	1829	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/04/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.50	7.60	3.20	18.30
730	1956	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Bùi Ngọc Sơn	17/11/2002	Nam	Hà Nội	2		D01	7.25	6.80	3.60	17.65
731	1787	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Nguyễn Thị Thủy Tiên	04/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	8.25	5.40	4.60	18.25
732	2244	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Mai Anh Tuấn	24/05/2002	Nam	Hải Dương	2NT		D01	5.50	6.00	6.80	18.30
733	2419	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Đinh Thị Thảo	24/10/2002	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.75	6.60	3.80	18.15
734	2431	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Đinh Thị Kim Thảo	22/06/2002	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	7.25	6.00	2.80	16.05
735	2343	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Trần Đức Việt	03/08/2002	Nam	Hà Nội	3		D01	6.75	3.40	5.60	15.75